

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ CAM RANH  
TỈNH KHÁNH HÒA**

*Bản án số: 88/2021/HNGĐ – ST*

*Ngày: 30 - 9 - 2021*

*V/v: “Ly hôn”*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAM RANH – TỈNH KHÁNH HÒA**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên Tòa: Ông Phùng Văn Thúc*

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy

2. Bà Võ Thị Diệu Thảo

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Trần Thị Thanh Huyền – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa:*** Ông Bùi Văn Khánh – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Cam Ranh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 164/2021/TLST –HNGĐ ngày 01 tháng 7 năm 2021 về việc tranh chấp “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 81/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 9 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 123/2021/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 9 năm 2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị D - Sinh năm: 1980

Địa chỉ: Tổ dân phố Hòa B, phường Cam Ngh, thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa. (Có đơn xin vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Ông Trần Thanh T - Sinh năm: 1977

Địa chỉ: Tổ dân phố Hòa B, phường Cam Ngh, thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa. (Vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện gửi đến Tòa án ngày 30 tháng 6 năm 2021, bản tự khai ngày 02 tháng 7 năm 2021, các tài liệu trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Dg trình bày:* Nguyên đơn và bị đơn ông Trần Thanh T tự tìm hiểu và chung sống với nhau có đăng ký kết hôn năm 2010 trên tinh thần tự

nguyên, không ai ép buộc và được Ủy ban nhân dân phường Cam Ngh cấp giấy chứng nhận kết hôn số 65, quyền số I/2010, ngày 05 tháng 7 năm 2010.

Quá trình chung sống: Thời gian đầu chung sống hạnh phúc và có với nhau 01 đứa con chung. Tuy nhiên, đến năm 2016 vợ chồng xảy ra mâu thuẫn và càng về sau vợ chồng phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, nguyên nhân hai vợ chồng hay kinh cãi, phát sinh nhiều mâu thuẫn trong hôn nhân, không quan tâm đến nhau, không có tiếng nói chung. Do vậy, bản thân nguyên đơn nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, Cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, nguyên đơn yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Cam Ranh giải quyết cho nguyên đơn được ly hôn với bị đơn ông Trần Thanh T.

**Về con chung:** Nguyên đơn bà Nguyễn Thị D và bị đơn ông Trần Thanh T có 01 con chung là Trần Thanh T, sinh ngày 07 tháng 10 năm 2011. Nếu ly hôn nguyên đơn mong muốn Tòa án giao con cho nguyên đơn trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung đến tuổi trưởng thành, nguyên đơn không yêu cầu bị đơn cấp dưỡng nuôi con chung.

**Về tài sản chung:** Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**Về nợ chung:** Không nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Đối với bị đơn:* Tại đơn khởi kiện, nguyên đơn đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú của bị đơn, bị đơn hiện tại đang sinh sống tại địa phương, đã nhận các văn bản tố tụng do Tòa án tổng đạt. Tòa án đã tiến hành đầy đủ các thủ tục theo pháp luật tố tụng dân sự nhưng ông Tuấn cố tình vắng mặt, không đến Tòa để cung cấp lời khai cũng như tham gia vào các phiên hòa giải, xét xử.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cam Ranh phát biểu ý kiến:*

Về tố tụng: Người tham gia tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng qui định của Bộ luật Tố tụng dân sự tại Tòa án cấp sơ thẩm.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Nguyễn Thị D xin ly hôn và nuôi con chung đối với bị đơn ông Trần Thanh T.

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa; Ý kiến của nguyên đơn có trong hồ sơ vụ án, ý kiến đại diện Viện kiểm sát.*

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

**[1] Về thủ tục tố tụng:** Tại phiên tòa, nguyên đơn có đơn xin vắng mặt, bị đơn vắng mặt mặc dù đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227, 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự quyết định tiến hành xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn, bị đơn.

**[2] Về quan hệ hôn nhân:** Nguyên đơn và bị đơn tự nguyện kết hôn năm 2010, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân phường Cam Ngh cấp giấy chứng nhận kết hôn số 65, quyền số I/2010, ngày 05 tháng 7 năm 2010. Xác định đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

**[3] Quá trình chung sống:** Trong quá trình chung sống giữa nguyên đơn và bị đơn thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Nguyên đơn cho rằng bị đơn ăn nhậu bỏ bê việc gia đình, không quan tâm đến vợ con, thường xuyên xúc phạm nguyên đơn, cuộc sống gia đình luôn luôn căng thẳng, nguyên đơn đã cố gắng hàn gắn tình cảm nhưng bị đơn vẫn không thay đổi, nguyên đơn khẳng định tình cảm vợ chồng không còn. Tại phiên tòa, bị đơn vắng mặt không rõ ý kiến của bị đơn đối với yêu cầu của nguyên đơn về việc ly hôn, nuôi con chung. Tuy nhiên, xét thấy mâu thuẫn của nguyên đơn và bị đơn đã đến mức trầm trọng, có kéo dài để sống chung thì mục đích hôn nhân cũng không đạt được. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn đối với bị đơn.

**[4] Về con chung:** Nguyên đơn xác định có 01 (một) con chung là Trần Thanh T, sinh ngày 07 tháng 10 năm 2011. Xét thấy, hiện tại cháu T còn nhỏ, sau khi ly hôn việc giao con chưa thành niên cho người nào nuôi dưỡng, giáo dục là nhằm mục đích giúp con chưa thành niên phát triển toàn diện cả về thể chất lẫn tinh thần. Nguyên đơn chứng minh có công ăn, việc làm ổn định và có nơi ở đảm bảo cho cuộc sống của cháu Trần Thanh T, nguyên đơn mong muốn được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung đến tuổi trưởng thành và theo nguyện vọng của cháu T.

Đối với bị đơn, tại phiên tòa bị đơn vắng mặt, không chứng minh được thu nhập và nơi ở rõ ràng nên việc giao con chung cho bị đơn là không đảm bảo cho cuộc sống cho cháu Trần Thanh T.

Xét công việc, hoàn cảnh thực tế của nguyên đơn có đủ điều kiện chăm sóc cháu T và phù hợp với quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử chấp nhận giao cho nguyên đơn được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Trần Thanh T, sinh ngày 07 tháng 10 năm 2011 đến tuổi trưởng thành, ông Trần Thanh t không phải cấp dưỡng nuôi con.

**[5] Về tài sản chung:** Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

**[6] Về nợ chung:** Nguyên đơn khai không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

**[7] Về án phí:** Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

*Căn cứ vào các Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 và Điều 116 Luật hôn nhân và gia đình;*

*Căn cứ Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 và Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng Dân sự và Điểm a Khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.*

**Tuyên xử:**

**1. Chấp nhận** cho bà Nguyễn Thị D được ly hôn với ông Trần Thanh T.

**2. Về con chung:** Giao con chung là Trần Thanh T, sinh ngày 07 tháng 10 năm 2011 cho nguyên đơn là bà Nguyễn Thị D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung đến tuổi trưởng thành. Bị đơn ông Trần Thanh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn vì quyền lợi của con, các bên có quyền làm đơn yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con; Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này.

**3. Về án phí:** Nguyên đơn phải nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn. Nguyên đơn đã nộp 150.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo thủ tục rút gọn tại biên lai số AA/2021/0006516 ngày 30 tháng 6 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cam Ranh. Như vậy, nguyên đơn còn phải nộp 150.000 (Một trăm năm mươi nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn.

**\* Quy định:** Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**4. Quyền kháng cáo:** Nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng cáo bản án yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa xét xử phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Khánh Hòa.
- VKSND TP. Cam Ranh.
- Chi cục THADS TP. Cam Ranh.
- Các đương sự.
- UBND phường Cam Nghĩa.
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Phùng Văn Thức**